TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T TỈNH L**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2017/HSST
Ngày: 25/9/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH L
Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán chủ toạ phiên toà*: Ông **Vũ Văn Bình**
- *Các hội thẩm nhân dân*:

1. Ông **Triệu Phúc Vượng**.
2. Ông **Nguyễn Thanh Tùng**.

- *Thư ký ghi biên bản phiên toà*: Bà **Phạm Thị Thúy Phượng** - Thư ký Toà án nhân dân huyện T, tỉnh L.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên toà:* Ông **Nguyễn Văn Nam**- Kiểm sát viên Trung cấp.

Ngày 25/9/2017, Tại Nhà văn hóa khu 21, thị trấn T, huyện T, tỉnh L. Xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 32/2017/HSST ngày 29/8/2017 đối với bị cáo:

Sùng A S- Sinh năm 1973. Tại huyện T - tỉnh L.

ĐKNKTT: Bản H, xã P, huyện T, tỉnh L; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mông; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Con ông: Sùng A P (Đã chết); Con bà: Giàng Thị S- sinh năm 1934; Gia đình bị cáo có 09 chị em, bị cáo là con thứ bảy; Bị cáo có vợ là Vàng Thị Ch- sinh năm 1975 và có 04 con, con lớn nhất sinh năm 1988 con nhỏ nhất sinh năm 2007; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/6/2017, tạm giam từ ngày 19/6/2017 đến nay có mặt tại phiên tòa.

Những người làm chứng: 1- Sừn Văn C- sinh năm 1980.

Địa chỉ: Bản N, xã Ph, huyện T, tỉnh L.

2- Phan Văn H- sinh năm 1984.

Địa chỉ: Bản N, xã Ph, huyện T, tỉnh L.

Đều vắng mặt không lý do.

NHẬN THẤY:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

a) Về hành vi phạm tội của bị cáo

Ngày 14/6/2017, Sùng A S nhờ Phan Văn H, sinh năm 1984, trú tại bản N, xã Ph, huyện T chở sang huyện S, tỉnh L tìm mua Thuốc phiện mang về sử dụng và bán lẻ kiếm lời. Khi đến địa phận huyện S, tỉnh L, lúc này trời đã tối, S nói H chờ ở ngoài đường còn S đi bộ lên nhà một người đàn ông dân tộc Mông mua được 01 gói Thuốc phiện với giá 700.000 đồng, S không biết lai lịch người này. Mua được Thuốc phiện S cất giấu trên người rồi đi ra bảo H chở về nhà, nhưng không cho H biết việc mình vừa mua được 01 gói Thuốc phiện. Đến khoảng 15 giờ ngày 16/6/2017 S đang ở lán ruộng của gia đình ở bản H, xã Ph thì có Phan Văn H và Sừn Văn C, sinh năm 1980, trú tại bản N, xã Ph, huyện T đến hỏi mua thuốc phiện để sử dụng, S nhất trí, lấy một ít thuốc phiện cho C và H sử dụng. Trong lúc đang sử dụng thì C lấy từ trong túi ra 40.000 đồng trả cho S, cùng lúc này thì bị Công an huyện T phát hiện bắt quả tang. Thu giữ trên người S 02 gói Thuốc phiện có tổng trọng lượng 14,5 gam; 01 túi vải màu đen; 01 bộ bàn đèn; số tiền 40.000 đồng. Cùng ngày cơ quan CSĐT tiến hành khám xét nơi ở của S thu giữ 01 bộ bàn đèn.

b) Về các vấn đề khác của vụ án

Tại bản kết luận giám định số 297 ngày 26/7/2017, của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh L Kết luận: Hai gói chất nhựa dẻo màu nâu đen thu giữ của Sùng A S có trọng lượng 14,5 gam. Các mẫu chất nhựa dẻo màu nâu đen thu giữ của Sùng A S gửi đến giám định đều là Thuốc phiện.

Tại bản kết luận giám định số 282/GĐ- KTHS ngày 01/8/2017 kết luận: 01 tờ tiền mệnh giá 20.000đ có số seri: PG 14856089 là tiền do Ngân hàng Nhà nước Việt nam phát hành; 02 tờ tiền polymer mệnh giá 10.000đ có số seri: DC 08164655 và QK10017834 là tiền do Ngân hàng Nhà nước Việt nam phát hành.

Vật chứng còn lại của vụ án là 9,74 gam thuốc phiện đã được niêm phong theo quy định; 02 bộ bàn đèn; 01 túi vải đen và 40.000đ tiền Ngân hàng Nhà nước Việt nam phát hành.

c) Về trích dẫn cáo trạng của Viện kiểm sát

Tại bản cáo trạng số: 23/KSĐT- MT, ngày 29/8/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh L truy tố bị cáo Sùng A S về tội: "Mua bán trái phép chất ma tuý" theo quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ

luật hình sự năm 1999; xử phạt bị cáo Sùng A S 2 năm 6 tháng đến 3 năm tù; miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo khoản 5 điều 194 Bộ luật hình sự. Về vật chứng của vụ án đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng: Xin hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa Kiểm sát viên, bị cáo không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Bị cáo Sùng A S đã có hành vi tàng trữ 02 gói thuốc phiện có trọng lượng 14,5 gam mục đích để sử dụng và bán lẻ kiếm lời, bị cáo đã bán cho Sừn Văn C 40.000đ, trong khi C và H đang sử dụng thì bị Công an huyện T bắt quả tang. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Mua bán trái phép chất ma túy", theo quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999:

"1. Người nào mua bán…trái phép…chất ma tuý, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm."

Xét tình tiết, tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo Hội đồng xét xử thấy bị cáo không có tình tiết tăng nặng; Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tề- xã hội đặc biệt khó khăn. Nên cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Tuy nhiên xét tính chất và hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, gây mất trật tự trị an tại địa phương và nhân thân bị cáo nghiện ma túy vậy cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để bị cáo tự cải

tạo bản thân thành công dân tốt và cũng để đảm bảo cho công tác đấu tranh phòng chống tội phạm.

Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định: Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm trăm triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm", do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo làm ruộng không có thu nhập ổn định. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Vật chứng còn lại là 9,74 gam thuốc phiện; 02 bộ bàn đèn; 01 túi vải đen cần tịch thu tiêu hủy. Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 40.000đ tiền Ngân hàng Nhà nước Việt nam.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Như vậy nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát huyện T truy tố đối với bị cáo Sùng A S là đúng người, đúng tội, đúng qui định của pháp luật.

Nguồn gốc thuốc phiện Sùng A S khai mua của người đàn ông dân tộc Mông ở huyện S, tỉnh L nhưng không rõ nhân thân, lai lịch. Do đó không có đủ căn cứ để điều tra xử lý. Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Trong vụ án còn có Phan Văn H và Sừn Văn C là người đã mua thuốc phiện của S để sử dụng, số thuốc phiện mua được H và C đã sử dụng hết, cả hai đều chưa có tiền án, tiền sự, nên chưa đủ căn cứ để xử lý hình sự, Cơ quan Công an huyện T đã ra quyết định xử phạt hành chính đối với H và C là đúng quy định pháp luật.

Bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Sùng A S phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

1- Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 194, điểm p khoản 1, 2 Điều 46, Điều 33. Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Sùng A S 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16 tháng 6 năm 2017.

2- Về hình phạt bổ sung:

Áp dụng khoản 5 Điều 194 Bộ luật hình sự, miễn phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

3- Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự và Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy 9,74 gam thuốc phiện; 02 bộ bàn đèn; 01 túi vải đen. Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 40.000đ.

4- Về án phí:

Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Sùng A S phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai, có mặt bị cáo. Báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh; (01)
- Sở tư pháp; (01)
- VKS huyện; (02)
- Công an, trại giam; (02)
- THA dân sự; THAHS; (02)
- Bị cáo; (01)
- Lưu hồ sơ – TA. (01)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Vũ Văn Bình